

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-40
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 16/06/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch	
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16/06/2023
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16/06/2023
Ông Lương Cao Anh	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 25/05/2023
Bà Đặng Thanh Tú	Thành viên	Từ nhiệm từ ngày 06/06/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Chính	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 01/06/2023
Ông Lương Cao Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/06/2023
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 24/05/2023
Ông Phạm Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 10/02/2023
Ông Nguyễn Chí Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ ngày 15/02/2023
Ông Nguyễn Duy Thoan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15/05/2023
Ông Lê Nho Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 08/06/2023
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Cẩm Tú	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trương Kiều Minh	Trưởng ban
Bà Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số: 290324.010/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thời điểm 31/12/2022, một số khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải trả người bán và người mua trả tiền trước với số tiền lần lượt là 9,8 tỷ đồng; 1,1 tỷ đồng; 5,5 tỷ đồng và 0,9 tỷ đồng chưa được Công ty đối chiếu, xác nhận với các đối tượng có liên quan. Điều này đã dẫn đến việc chúng tôi phải nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty. Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục triệt để, các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, phải trả người bán, người mua trả tiền trước và phải trả khác chưa đối chiếu, xác nhận tại thời điểm 31/12/2023 lần lượt là 14,4 tỷ đồng; 1,5 tỷ đồng; 7,1 tỷ đồng; 6,5 tỷ đồng; 0,347 tỷ đồng và 1,8 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán theo quy định nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

2. Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến việc đánh giá và ước tính chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 01/01/2023 và tại ngày 31/12/2023. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

3. Dựa trên các thông tin hiện có, chúng tôi đã không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của số dư phải thu tại ngày 31/12/2023 là 3,4 tỷ đồng (các khoản nợ này phát sinh từ năm 2020 trở về trước) nằm trong số dư nợ phải thu không có đối chiếu nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục nêu trên hay không và các ảnh hưởng (nếu có) đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại mục "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 5 - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2023, một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng với tổng số tiền là 9,3 tỷ đồng. Tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi khi quyết toán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Dương Quân Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1686-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		175.956.025.119	174.101.049.411
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.868.203.630	22.281.605.441
111	1. Tiền		9.868.203.630	22.281.605.441
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.852.063.069	3.852.063.069
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.852.063.069	3.852.063.069
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		106.366.572.533	106.181.079.683
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	55.201.734.919	58.998.569.361
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.293.927.073	10.938.096.879
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	38.870.910.541	36.244.413.443
140	IV. Hàng tồn kho	8	54.185.577.232	41.072.534.070
141	1. Hàng tồn kho		54.185.577.232	41.072.534.070
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.683.608.655	713.767.148
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	683.099.140	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		809.491.099	570.195.385
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	191.018.416	143.571.763
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		48.237.207.921	34.599.280.424
220	II. Tài sản cố định		40.640.844.223	15.172.358.225
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	40.640.844.223	15.172.358.225
222	- Nguyên giá		75.010.803.892	48.819.785.578
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.369.959.669)	(33.647.427.353)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		326.820.000	1.094.660.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(326.820.000)	(1.094.660.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	756.516.650	12.566.704.268
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		756.516.650	12.566.704.268
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	5.534.949.251	5.400.796.694
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		3.939.225.582	3.805.073.025
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.595.723.669	1.595.723.669
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.304.897.797	1.459.421.237
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.304.897.797	645.379.958
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	814.041.279
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		224.193.233.040	208.700.329.835

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		141.425.125.400	128.445.453.877
310	I. Nợ ngắn hạn		128.050.473.491	118.487.730.932
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	22.237.351.855	17.999.056.206
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	18.368.054.498	19.058.851.483
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.120.001.232	4.781.785.892
314	4. Phải trả người lao động		8.458.093.952	7.598.502.215
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	23.205.223.621	33.290.405.981
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	11.529.149.336	9.605.936.100
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	40.298.035.121	23.356.273.580
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.834.563.876	2.796.919.475
330	II. Nợ dài hạn		13.374.651.909	9.957.722.945
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	1.437.000.000	9.957.722.945
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	11.937.651.909	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.768.107.640	80.254.875.958
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	82.768.107.640	80.254.875.958
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.000.000.000	44.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.000.000.000	44.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		356.849.738	356.849.738
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		22.249.767.368	22.249.767.368
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.783.696.711	6.337.979.043
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		6.337.979.043	2.570.858.694
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.445.717.668	3.767.120.349
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		8.377.793.823	7.310.279.809
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		224.193.233.040	208.700.329.835

Đỗ Thị Cẩm Tú
Người lập

Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng

Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc




Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	97.108.954.237	120.367.981.666
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.108.954.237	120.367.981.666
11	4. Giá vốn hàng bán	23	70.625.890.417	99.370.804.649
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.483.063.820	20.997.177.017
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	375.749.980	1.366.173.060
22	7. Chi phí tài chính	25	2.601.735.847	1.313.689.240
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.600.229.675	1.308.117.789
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		134.152.557	57.613.441
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21.794.569.978	15.898.723.039
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.596.660.532	5.208.551.239
31	12. Thu nhập khác	27	725.045.654	1.433.800.666
32	13. Chi phí khác	28	768.197.428	1.211.734.337
40	14. Lợi nhuận khác		(43.151.774)	222.066.329
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.553.508.758	5.430.617.568
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	520.277.076	1.053.235.509
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.033.231.682	4.377.382.059
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		1.445.717.668	3.767.120.349
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		587.514.014	610.261.710
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	329	856


Đỗ Thị Cẩm Tú
Người lập


Đỗ Thị Cẩm Tú
Kê toán trưởng


Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.553.508.758	5.430.617.568
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.842.487.021	1.786.031.307
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(647.955.315)	(1.856.100.327)
06	- Chi phí lãi vay		2.600.229.675	1.308.117.789
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.348.270.139	6.668.666.337
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		341.806.062	(3.714.215.047)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(13.113.043.162)	(4.481.813.742)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(14.330.007.451)	22.895.286.996
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.342.616.979)	(169.461.956)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.693.536.870)	(1.213.079.197)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.033.223.758)	(517.312.373)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(962.355.599)	(1.615.662.155)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(26.784.707.618)	17.852.408.863
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.506.796.259)	(12.851.008.813)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		144.063.636	876.326.559
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(3.852.063.069)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	1.263.600.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(227.724.363)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		375.749.980	1.029.131.731
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.986.982.643)	(13.761.737.955)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		480.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		52.829.031.274	22.592.237.371
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(23.949.617.824)	(21.038.332.880)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.125.000)	(3.948.534.763)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		29.358.288.450	(2.394.630.272)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.413.401.811)	1.696.040.636

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.281.605.441	20.585.564.805
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	9.868.203.630	22.281.605.441



Đỗ Thị Cẩm Tú
Người lập



Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng



Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 15/10/2007 và Quyết định số 1703/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 09/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100103175 ngày 16/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 16/06/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liet, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 44.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 44.000.000.000 đồng; tương đương 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 126 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 201 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình xây dựng, thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- In đồ án thiết kế, các tài liệu chuyên môn nghiệp vụ, tạp chí, sách báo theo quy định và giấy phép của cơ quan có thẩm quyền; Xuất nhập khẩu, làm đại lý, dịch vụ, thương mại máy móc, thiết bị, vật tư in và tư vấn về in;
- Thí nghiệm đất, đá, nước, nền, móng, vật liệu, kết cấu xây dựng phục vụ thiết kế, kiểm tra chất lượng công trình, kiểm định chất lượng xây dựng, xác định nguyên nhân sự cố công trình;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình thuộc đề tài nghiên cứu chuyển giao công nghệ: khoan, phụt, xử lý nền và thân công trình, sửa chữa xe, máy chuyên dùng và gia công cơ khí;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thủy lợi, thủy điện;
- Chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện;
- Quản lý dự án, đầu tư và xây dựng công trình;
- Tham gia đào tạo bồi dưỡng các chức danh tư vấn xây dựng (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định dự toán công trình (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề);
- Tư vấn về lập dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong Xây dựng) và hợp đồng kinh tế trong xây dựng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện, lắp đặt thiết bị; Giám sát thi công xây dựng công trình: lĩnh vực chuyên môn khảo sát địa chất, khảo sát trắc địa, khảo sát địa chất thủy văn;
- Khảo sát xây dựng các công trình bao gồm: khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát trắc địa, khảo sát địa vật lý, khảo sát thủy văn, môi trường.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất:
Do ảnh hưởng của tình hình kinh tế và sự sụt giảm nguồn vốn giải ngân của Nhà nước cho các công trình thủy lợi dẫn đến doanh thu của Công ty năm nay giảm 19,3% so với năm trước. Ngoài ra, trong năm nay việc thay đổi cơ cấu nhân sự cũng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên Ban Tổng giám đốc Công ty nhận định, việc triển khai các công trình thủy lợi theo quy hoạch của Nhà nước sẽ có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3 (HEC 3)	Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	58,76%	58,76%	Tư vấn, khảo sát xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	Thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	50,65%	50,65%	Tư vấn, thiết kế xây dựng
Công ty cổ phần Quản lý và dịch vụ HEC	Thành phố Hà nội	51,00%	51,00%	Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn...được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết năm báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, số tiền khách hàng trả trước cho công trình thực hiện trong nhiều năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát và thiết kế chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty. Mặt khác, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	691.508.342	1.432.102.190
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.176.695.288	20.849.503.251
	<u>9.868.203.630</u>	<u>22.281.605.441</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.852.063.069	-	3.852.063.069	-
	<u>3.852.063.069</u>	<u>-</u>	<u>3.852.063.069</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2023, đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 4,6%/năm được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội. (Xem thêm thông tin tại thuyết minh 19).

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTPC
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Ninh Bình	30,00	30,00	2.680.170.347
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Hà Nội	76,92	40,00	1.124.902.678
				3.805.073.025

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 34.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á - Thái Bình Dương	1.595.723.669	-	1.595.723.669	18,92
	1.595.723.669	-	1.595.723.669	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	474.194.000	-	474.194.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	474.194.000	-	474.194.000	-
Bên khác	54.727.540.919	-	58.524.375.361	-
- Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	4.993.912.000	-	1.372.782.000	-
- Ban Quản lý dự án Sông Tích	1.217.413.000	-	1.217.413.000	-
- Ban quản lý dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn Phú Thọ	553.373.200	-	549.520.000	-
- Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hoá	1.549.598.000	-	3.871.204.699	-
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng công trình giao thông Quảng Ngãi	1.631.000.000	-	1.631.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng 47	3.210.426.754	-	2.768.458.784	-
- Bộ Tư lệnh bảo vệ lãng Hồ Chí Minh	-	-	301.386.421	-
- Vụ đề điều - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.146.011.000	-	-	-
- Công ty Hiệp Phú - Khoan phụt Hồ Noong Mò	-	-	329.114.000	-
- Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông	2.160.501.000	-	-	-
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng giao thông thủy lợi Đắk Lắk	2.507.127.000	-	6.243.554.000	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 .PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ban quản lý dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn Bình Định	356.018.000	-	4.384.268.000	-
- Phải thu khách hàng khác	32.402.160.965	-	35.855.674.457	-
	55.201.734.919	-	58.998.569.361	-

Trong đó, tổng số công nợ đã quá hạn thanh toán là 9,3 tỷ đồng, tuy nhiên, do đặc thù hoạt động của Công ty là tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình xây dựng thủy điện, thủy lợi thuộc các chủ đầu tư là các ban A trực thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thuộc các tỉnh, các công trình Công ty thực hiện thường có thời gian thanh quyết toán kéo dài với chủ đầu tư nên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá các khoản công nợ trên vẫn có khả năng thu hồi.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.724.000.000	-	2.062.005.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng số 2	1.380.000.000	-	1.380.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi thủy điện	344.000.000	-	682.005.000	-
Bên khác	10.569.927.073	-	8.876.091.879	-
- Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng 3 Nhất	2.179.365.637	-	4.511.029.000	-
- Công ty Tân Quang	480.000.000	-	810.000.000	-
- Công ty Cổ phần SSD Việt Nam	2.236.512.412	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	5.674.049.024	-	3.555.062.879	-
	12.293.927.073	-	10.938.096.879	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu người lao động	5.688.862.006	-	5.113.923.429	-
Tạm ứng	31.218.915.381	-	30.019.580.661	-
Phải thu người lao động thuế TNCN	-	-	5.000.000	-
Bảo hiểm xã hội của người lao động	-	-	51.982.204	-
Phải thu khác	1.963.133.154	-	1.053.927.149	-
	38.870.910.541	-	36.244.413.443	-
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Phải thu các đối tượng khác	38.870.910.541	-	36.244.413.443	-
	38.870.910.541	-	36.244.413.443	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.029.004.361	-	1.351.743.827	-
Công cụ, dụng cụ	151.940.683	-	142.280.401	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.004.632.188	-	39.578.509.842	-
	54.185.577.232	-	41.072.534.070	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	23.407.740.472	13.119.950.424	10.934.831.788	1.171.584.055	185.678.839	48.819.785.578
- Mua trong năm	-	105.000.000	-	670.074.016	-	775.074.016
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.541.909.861	-	-	-	-	26.541.909.861
- Thanh lý, nhượng bán	-	(140.191.658)	(541.758.400)	(258.336.666)	(185.678.839)	(1.125.965.563)
Số dư cuối năm	49.949.650.333	13.084.758.766	10.393.073.388	1.583.321.405	-	75.010.803.892
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.283.258.320	9.062.162.725	9.143.557.174	972.770.295	185.678.839	33.647.427.353
- Khấu hao trong năm	884.871.988	515.912.427	324.376.489	117.326.117	-	1.842.487.021
- Thanh lý, nhượng bán	-	(140.191.658)	(541.758.400)	(252.325.808)	(185.678.839)	(1.119.954.705)
Số dư cuối năm	15.168.130.308	9.437.883.494	8.926.175.263	837.770.604	-	34.369.959.669
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	9.124.482.152	4.057.787.699	1.791.274.614	198.813.760	-	15.172.358.225
Tại ngày cuối năm	34.781.520.025	3.646.875.272	1.466.898.125	745.550.801	-	40.640.844.223

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.393.315.477 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2023, tài sản cố định vô hình của Công ty là các loại phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 326.820.000 đồng.

11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Dự án sửa chữa cải tạo trụ sở văn phòng công ty	-	12.566.704.268
- Dự án sửa chữa cải tạo trụ sở văn phòng chi nhánh	756.516.650	-
	<u>756.516.650</u>	<u>12.566.704.268</u>

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	656.679.406	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.419.734	-
	<u>683.099.140</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	49.725.977	149.142.769
Công cụ dụng cụ xuất dùng	953.387.874	394.845.403
Chi phí trả trước dài hạn khác	301.783.946	101.391.786
	<u>1.304.897.797</u>	<u>645.379.958</u>

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Ban QLDA Đầu tư xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng - Tahoeet	9.254.000.000	7.500.000.000
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	3.842.989.000	5.048.182.000
Tổng công ty tư vấn thiết kế giao thông vận tải - CTCP	1.800.000.000	550.000.000
Công ty Cổ phần Lahills Hòa Bình	-	3.786.700.337
Các khoản người mua trả tiền trước khác	3.471.065.498	2.173.969.146
	<u>18.368.054.498</u>	<u>19.058.851.483</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>1.891.206.100</i>	<i>1.891.206.100</i>	<i>1.960.437.100</i>	<i>1.960.437.100</i>
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	35.769.000	35.769.000	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	1.855.437.100	1.855.437.100	1.960.437.100	1.960.437.100
<i>Bên khác</i>	<i>20.346.145.755</i>	<i>20.346.145.755</i>	<i>16.038.619.106</i>	<i>16.038.619.106</i>
- Công ty Tư vấn Xây dựng Điện I	730.500.000	730.500.000	730.500.000	730.500.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Ninh	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000	2.045.094.000
- Công ty Cổ phần Lahills Hòa Bình - thiết kế kiến trúc	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ trắc địa	1.652.345.000	1.652.345.000	-	-
- Công ty TNHH Khảo sát và Xây dựng 3 Nhất	-	-	683.232.000	683.232.000
- Trung tâm Thương mại - Dịch vụ Phát Đạt	-	-	1.654.467.900	1.654.467.900
- Phải trả các đối tượng khác	12.118.206.755	12.118.206.755	10.925.325.206	10.925.325.206
	<u>22.237.351.855</u>	<u>22.237.351.855</u>	<u>17.999.056.206</u>	<u>17.999.056.206</u>

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	123.412.563	3.698.702.306	3.165.257.610	5.556.244.703	157.953.100	1.342.255.750
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	972.852.958	520.277.076	1.033.223.758	-	459.906.276
Thuế Thu nhập cá nhân	-	110.230.628	459.767.122	432.730.000	6.026.000	143.293.750
Thuế Nhà đất, tiền thuế đất	-	-	45.867.435	52.747.551	6.880.116	-
Các loại thuế khác	-	-	421.154.190	246.608.734	-	174.545.456
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.159.200	-	-	-	20.159.200	-
	143.571.763	4.781.785.892	4.612.323.433	7.321.554.746	191.018.416	2.120.001.232

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	24.837.507	118.144.702
- Chi phí trích trước thầu phụ các công trình	23.180.386.114	33.172.261.279
	23.205.223.621	33.290.405.981

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	-	7.975.268.400
- Doanh thu giám sát tác giả	1.437.000.000	1.982.454.545
	1.437.000.000	9.957.722.945

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	2.827.016.913	2.694.826.683
- Bảo hiểm xã hội	10.235.592	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.074.950.937	1.076.075.937
- Phải trả Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Bình Thuận	638.199.355	638.199.355
- Phải trả tiền bảo hiểm các công trình	73.274.000	73.274.000
- Các khoản tiền vay phải trả cán bộ nhân viên	3.633.581.553	2.945.417.818
- Phải trả Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	468.411.300	468.411.300
- Tiền lương phải trả cho người lao động đã nghỉ việc	-	521.608.034
- Phải trả người lao động về trợ cấp thôi việc	1.508.862.333	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.294.617.353	1.188.122.973
	11.529.149.336	9.605.936.100

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP
Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

19 . VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	23.356.273.580	23.356.273.580	37.755.254.794	22.378.107.601	38.733.420.773	38.733.420.773
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	9.344.100.259	9.344.100.259	8.516.999.970	12.201.234.500	5.659.865.729	5.659.865.729
- Vay cá nhân ⁽²⁾	14.012.173.321	14.012.173.321	18.689.904.000	10.108.872.971	22.593.204.350	22.593.204.350
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽³⁾	-	-	10.548.350.824	68.000.130	10.480.350.694	10.480.350.694
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	1.564.614.348	-	1.564.614.348	1.564.614.348
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽⁴⁾	-	-	1.564.614.348	-	1.564.614.348	1.564.614.348
	23.356.273.580	23.356.273.580	39.319.869.142	22.378.107.601	40.298.035.121	40.298.035.121
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽⁴⁾	-	-	15.073.776.480	1.571.510.223	13.502.266.257	13.502.266.257
	-	-	15.073.776.480	1.571.510.223	13.502.266.257	13.502.266.257
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(1.564.614.348)	-	(1.564.614.348)	(1.564.614.348)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	11.937.651.909	11.937.651.909

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2022/CTD/VCBHN-TVTL ngày 23/11/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng, đến thời điểm hiện tại đơn vị đang thực hiện ký lại hợp đồng do thay đổi hạn mức;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.659.865.729 đồng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (2) Các khoản vay cá nhân, người lao động và công đoàn Công ty với mức lãi suất từ 5,5%/năm đến 12%/năm, theo hình thức tín chấp với thời hạn vay từ 03 tháng đến 12 tháng, số dư vay tại thời điểm 31/12/2023 là: 22.593.204.350 đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số: 01/2023/11120466/HĐTD ngày 23/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.480.350.694 đồng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (4) Hợp đồng tín dụng số 02/2022/11120466/HĐTD ngày 28/12/2022, giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Thanh Xuân và công ty với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: Sửa chữa Trụ sở văn phòng Tổng Công ty tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 72 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 10,9%/năm cố định trong 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo lãi suất của ngân hàng;
 - + Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	44.000.000.000	356.849.738	18.744.562.342	7.296.662.797	7.928.389.423	78.326.464.300
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.767.120.349	610.261.710	4.377.382.059
Công ty Mẹ phân phối lợi nhuận	-	-	3.505.205.026	(3.894.672.251)	-	(389.467.225)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3 (HEC 3) phân phối lợi nhuận	-	-	-	(690.244.813)	(895.640.924)	(1.585.885.737)
Công ty Cổ phần Tư vấn khảo sát và Xây dựng số 4 phân phối lợi nhuận	-	-	-	(140.887.039)	(332.730.400)	(473.617.439)
Số dư cuối năm trước	44.000.000.000	356.849.738	22.249.767.368	6.337.979.043	7.310.279.809	80.254.875.958
Số dư đầu năm nay	44.000.000.000	356.849.738	22.249.767.368	6.337.979.043	7.310.279.809	80.254.875.958
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.445.717.668	587.514.014	2.033.231.682
Tăng do góp vốn vào công ty con - Công ty cổ phần Quản lý và dịch vụ HEC	-	-	-	-	480.000.000	480.000.000
Số dư cuối năm nay	44.000.000.000	356.849.738	22.249.767.368	7.783.696.711	8.377.793.823	82.768.107.640

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Nguyễn Hoàng Linh	32,75	14.410.000.000	32,75	14.410.000.000
Các cổ đông khác	67,25	29.590.000.000	67,25	29.590.000.000
	100	44.000.000.000	100	44.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	44.000.000.000	44.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	44.000.000.000	44.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	1.076.075.937	4.417.184.700
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	-	607.426.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận tại Công ty con</i>	-	607.426.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(1.125.000)	(3.948.534.763)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận tại Công ty mẹ</i>	(1.125.000)	(3.341.108.763)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận tại Công ty con</i>	-	(607.426.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<u>1.074.950.937</u>	<u>1.076.075.937</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.400.000	4.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.400.000	4.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.400.000	4.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.249.767.368	22.249.767.368
	<u>22.249.767.368</u>	<u>22.249.767.368</u>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 02, ngõ 95 phố Chùa Bộc để sử dụng với mục đích xây dựng làm trụ sở làm việc của Tổng công ty và Công ty In Thủy lợi từ năm 2007 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 2.060 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thửa đất số 71, thuộc thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào để sử dụng với mục đích xây dựng kho lưu giữ thiết bị, vật tư phục vụ công tác khảo sát và thăm dò địa chất các công trình thủy lợi và dịch vụ sản xuất từ năm 1993 đến năm 2042. Diện tích khu đất thuê là 4.359 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 52 Đống Đa, phường Tân lập, thành phố Nha Trang để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 2009 đến năm 2029. Diện tích khu đất thuê là 507 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại số 100 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc từ năm 2005 đến năm 2025. Diện tích khu đất thuê là 4.606,7 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty ký hợp đồng thuê đất số 279/HĐ - TĐ ngày 14 tháng 04 năm 2004 tại xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở làm việc. Thời hạn thuê đất 50 năm tính từ ngày 01/01/1997. Diện tích khu đất thuê là 2.905 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3 (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất số 70/2007/HĐTĐ ngày 10 tháng 09 năm 2007 tại số 30 Trịnh Phong, phường Phước Tiến, TP.Nha Trang để sử dụng với mục đích xây dựng trụ sở cơ quan kể từ ngày 27/07/2007 đến ngày 27/07/2027. Diện tích khu đất thuê là 401,5 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4 (Công ty con) ký hợp đồng thuê đất số 120/HĐTĐ ngày 16/11/2009 và các phụ lục kèm theo tại Phường Chánh Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi với diện tích là 2649 m² và thời hạn thuê đất từ ngày 01/01/1996 đến ngày 01/01/2026 để sử dụng với mục đích xây dựng. Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Cơ khí	1.805.235.869	1.805.235.869
- Công ty Cổ phần Licogi 17	637.500.000	637.500.000

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

22 . TỔNG DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	97.108.954.237	120.367.981.666
	97.108.954.237	120.367.981.666

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	70.625.890.417	99.370.804.649
	70.625.890.417	99.370.804.649

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

	184.120.000	1.277.241.419
--	--------------------	----------------------

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	215.749.980	242.595.827
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	133.043.510
Cổ tức, lợi nhuận được chia	160.000.000	782.377.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	208.156.723
	375.749.980	1.366.173.060

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

	160.000.000	105.000.000
--	--------------------	--------------------

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.600.229.675	1.308.117.789
Chi phí tài chính khác	1.506.172	5.571.451
	2.601.735.847	1.313.689.240

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	874.975.024	574.332.953
Chi phí nhân công	8.842.667.729	5.463.663.562
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.062.482.185	716.917.368
Thuế, phí, lệ phí	2.987.023.161	2.605.364.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.337.673.386	2.818.940.061
Chi phí khác bằng tiền	4.689.748.493	3.719.504.451
	21.794.569.978	15.898.723.039

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	138.052.778	816.326.559
Tiền cho thuê văn phòng	128.127.349	29.807.459
Thu tiền đề tài khoa học	-	200.000.000
Tiền phạt vi phạm hợp đồng thu được	-	72.000.000
Thu nhập khác	458.865.527	315.666.648
	<u>725.045.654</u>	<u>1.433.800.666</u>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	42.812.500
Các khoản bị phạt	83.447.257	501.132.060
Chi phí đề tài khoa học	-	200.000.000
Các khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	190.000.000
Chi phí khác	684.750.171	277.789.777
	<u>768.197.428</u>	<u>1.211.734.337</u>

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	121.976.461	687.025.295
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi 3	233.206.047	195.877.399
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 4	165.094.568	170.332.815
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>520.277.076</u>	<u>1.053.235.509</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	305.931.463
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	972.852.958	130.998.359
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.033.223.758)	(517.312.373)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>459.906.276</u>	<u>972.852.958</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.445.717.668	3.767.120.349
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.445.717.668	3.767.120.349
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.400.000	4.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>329</u>	<u>856</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.549.389.403	10.782.438.952
Chi phí nhân công	40.790.282.842	40.089.788.425
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.842.487.021	1.786.031.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.834.795.112	25.982.020.845
Chi phí khác bằng tiền	24.829.628.363	41.208.196.940
	<u>105.846.582.741</u>	<u>119.848.476.469</u>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	9.176.695.288	-	-	9.176.695.288
Phải thu khách hàng, phải thu khác	94.072.645.460	-	-	94.072.645.460
Các khoản cho vay	3.852.063.069	-	-	3.852.063.069
	107.101.403.817	-	-	107.101.403.817
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	20.849.503.251	-	-	20.849.503.251
Phải thu khách hàng, phải thu khác	95.242.982.804	-	-	95.242.982.804
Các khoản cho vay	3.852.063.069	-	-	3.852.063.069
	119.944.549.124	-	-	119.944.549.124

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay	40.298.035.121	-	-	40.298.035.121
Phải trả người bán, phải trả khác	33.766.501.191	-	-	33.766.501.191
Chi phí phải trả	23.205.223.621	-	-	23.205.223.621
	97.269.759.933	-	-	97.269.759.933

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCPSố 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023				
Vay	23.356.273.580	-	-	23.356.273.580
Phải trả người bán, phải trả khác	27.604.992.306	-	-	27.604.992.306
Chi phí phải trả	33.290.405.981	-	-	33.290.405.981
	<u>84.251.671.867</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>84.251.671.867</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DU' VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	-	1.181.970.510
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	184.120.000	95.270.909
Cổ tức nhận được			
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát và Xây dựng số 2	Công ty liên kết	105.000.000	105.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Thủy điện	Công ty liên kết	55.000.000	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	81.000.000	81.000.000
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	48.600.000	48.600.000
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	48.600.000	48.600.000
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên	13.500.000	-
Ông Lương Cao Anh	Thành viên	10.800.000	48.600.000
Ông Đặng Thanh Tú	Thành viên	35.100.000	48.600.000
Ông Nguyễn Ngọc Phú	Thành viên	8.100.000	-
Ông Trương Kiều Minh	Trưởng BKS	38.000.000	36.000.000
Ông Ngô Thế Tráng	Thành viên BKS	23.600.000	21.600.000
Bà Phạm Thúy Quỳnh	Thành viên BKS	24.000.000	21.600.000
Bà Bùi Thị Lê	Trưởng BKS	-	32.400.000
Ông Tăng Thành Long	Thành viên BKS	-	-
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
		VND	VND
Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Chủ tịch HĐQT	16.000.000	-
Ông Lý Thái Hải	Thành viên	16.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên	2.000.000	-
Ông Phạm Văn Tứ	Thành viên	42.596.000	-
Ông Lương Cao Anh	Thành viên	16.000.000	-
Ông Đặng Thanh Tú	Thành viên	2.000.000	-
Ông Vũ Văn Chính	Tổng Giám đốc	351.210.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	-	286.384.000
Ông Lương Cao Anh	Tổng Giám đốc	392.880.000	-
Ông Võ Văn Lung	Phó Tổng Giám đốc	548.981.601	315.372.800
Ông Nguyễn Duy Thoan	Phó Tổng Giám đốc	208.120.000	295.551.000
Ông Lê Nho Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	65.391.000	55.963.000
Ông Đỗ Ngọc Cương	Phó Tổng Giám đốc	160.500.000	95.000.000
Ông Nguyễn Chí Trường	Phó Tổng Giám đốc	291.560.000	-
Ông Nguyễn Hữu Cường	Phó Tổng Giám đốc	2.000.000	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG THỦY LỢI VIỆT NAM - CTCP

Số 2, ngõ 95, phố Chùa Bộc, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Đỗ Thị Cẩm Tú
Người lập



Đỗ Thị Cẩm Tú
Kế toán trưởng



Vũ Văn Chính
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2024

